

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116/2014/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 17 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 04/6/2014 về việc ban hành Nghị quyết về quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-KTNS ngày 11/7/2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết về quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Đối tượng chịu phí: Là nước thải sinh hoạt thải ra môi trường từ:
 - Hộ gia đình;
 - Cơ quan nhà nước;
 - Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);
 - Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;

- Cơ sở: rửa xe máy, sửa chữa xe máy, sửa chữa ô tô; phòng khám chữa bệnh;
- Cơ sở rửa ô tô; bệnh viện; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.

- Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải sinh hoạt không được quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Đối tượng không chịu phí:

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch;

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, bao gồm:

+ Các xã thuộc biên giới, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa);

+ Các xã không trực thuộc các loại đô thị theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;

- Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng với các nguồn nước thải khác;

- Nước mưa tự nhiên chảy tràn;

- Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT sử dụng nguồn nước từ đơn vị cung cấp nước sạch phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

3. Người nộp phí:

- Đối tượng chịu phí được quy định tại Khoản 1 Điều này.

- Các tổ chức, cá nhân xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước, đã nộp phí thoát nước thì đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt tiếp nhận được và thải ra môi trường.

4. Tỷ lệ thu phí và mức thu phí:

a) Đối với nước sạch do đơn vị kinh doanh nước sạch cung cấp

- Tỷ lệ thu phí (%):

+ Đối với thành phố Buôn Ma Thuột trường hợp có đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung:

STT	Nội dung	Tỷ lệ thu phí (%)
1	Hộ gia đình;	8
2	Cơ quan nhà nước;	
3	Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);	

4	Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;	8
5	Cơ sở: rửa xe máy, sửa chữa xe máy, sửa chữa ô tô; phòng khám chữa bệnh;	9
6	Cơ sở rửa ô tô; bệnh viện; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.	10

+ Đối với thị xã Buôn Hồ, các huyện và thành phố Buôn Ma Thuột trường hợp không có đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung:

STT	Nội dung	Tỷ lệ thu phí (%)
1	Hộ gia đình;	5
2	Cơ quan nhà nước;	
3	Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);	
4	Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;	7
5	Cơ sở: rửa xe máy, sửa chữa xe máy, sửa chữa ô tô; phòng khám chữa bệnh;	
6	Cơ sở rửa ô tô; bệnh viện; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.	8

- Mức thu phí (đồng/ tháng):

Cách tính: Mức thu phí = Tỷ lệ thu phí (%) nhân với tổng số tiền thanh toán trên hóa đơn tiền nước hàng tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

b) Đối với nước tự khai thác:

- Mức thu phí (đồng/tháng):

STT	Nội dung	Mức thu phí (đồng/tháng)
1	Hộ gia đình:	5.000
-	Không kinh doanh, dịch vụ;	
-	Có kinh doanh, dịch vụ.	24.000
2	Cơ quan nhà nước;	
3	Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);	
4	Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;	60.000
5	Cơ sở: rửa xe máy, sửa chữa xe máy, sửa chữa ô tô; phòng khám chữa bệnh;	
6	Cơ sở rửa ô tô; bệnh viện; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.	75.000



5. Quản lý và sử dụng phí:

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

a) Đối với nước sạch do đơn vị kinh doanh nước sạch cung cấp:

Hàng tháng, đơn vị kinh doanh nước sạch (Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk; Trung tâm Nước sinh hoạt và Môi trường nông thôn Đắk Lắk, ...) tổ chức thu phí đồng thời với việc thu tiền sử dụng nước sạch và được để lại 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, 90% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Đối với nước tự khai thác:

Hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thu phí của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng và được để lại 15% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, 85% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2014 và thay thế Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài các qui định tại Nghị quyết này, việc kê khai, thẩm định, thu, nộp, quản lý, sử dụng nguồn thu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo qui định tại Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT và các qui định hiện hành của Nhà nước.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua./.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBNDTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Đắk Lắk;
- Công báo; Website tỉnh;
- Lưu: VT, P.Ct HĐND.

CHỦ TỊCH



Niê Thuật